

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 01 – 2024
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Minh.
- Ông Ngô Văn Khon.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:* Ông Võ Hồng Nhân là Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số D, ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Thanh L, anh Nguyễn Hoàng P có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Hoàng P xác lập quan hệ hôn nhân năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/02/2009. Hôn nhân giữa chị L và anh P được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu và kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong các quyết định về gia đình, công việc và tình cảm. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P ăn chơi, cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị L là người đứng ra trả nợ thay cho anh P nhiều lần. Chị L nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Chị L và anh P sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Chị Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị L và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 25/01/2011. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu được tiếp tục cháu N cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng P cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết thành vụ án khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Hoàng P trình bày.

Anh Nguyễn Hoàng P và chị Nguyễn Thị Thanh L xác lập quan hệ hôn nhân năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/02/2009. Hôn nhân giữa anh P và chị L được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu và kết hôn.

Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn như lời trình bày của chị L. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân anh P có tìm cách hàn gắn tình cảm với chị L bằng cách nhắn tin, gọi điện nhưng không được. Mỗi lần anh P xuống nhà để tìm gặp chị L để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L đều né tránh, từ chối không gặp mặt. Anh P không có cờ bạc dẫn đến nợ nần và không thường xuyên nhậu nhẹt như lời trình bày của chị L. Hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa anh P và chị L vẫn còn và có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Anh Nguyễn Hoàng P không thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh L.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống anh **P** và chị **L** có 01 con chung tên **Nguyễn Hoàng N**, sinh ngày 25/01/2011. Sau khi ly hôn anh **Nguyễn Hoàng P** yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết thành vụ án khác.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thanh L**. Về con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Hoàng N**, sinh ngày 25/01/2011 cho chị **Nguyễn Thị Thanh L** được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh **P** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **L** không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Căn cước công dân của chị **Nguyễn Thị Thanh L** (Bản photo); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh **Nguyễn Hoàng N** (Bản sao chứng thực); Biên bản lấy lời khai của chị **Nguyễn Thị Thanh L** (Bản chính); Biên bản lấy lời khai của anh **Nguyễn Hoàng P** (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thanh L** và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh **Nguyễn Hoàng P** cư trú tại **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

Xét thấy, chị L và anh P xác lập quan hệ hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/02/2009, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp trong cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P ăn chơi, cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị L là người đứng ra trả nợ thay cho anh P nhiều lần. Chị L nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Ngoài ra, vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2021 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân anh, chị có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, chị L xác định, chị L và anh P không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy, kể từ khi ly thân với anh P chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Tại bản khai 23/12/2023, cháu N có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với chị L. Hiện nay, cháu N đang học tại trường THCS N1 thuộc xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đồng thời, chị L có thu nhập ổn định, đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, đảm bảo cho cháu N phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 25/01/2011 cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Thanh L không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Hoàng P xác định là không yêu cầu, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết..

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thanh L.**

- *Về hôn nhân*: Chị **Nguyễn Thị Thanh L** được ly hôn với anh **Nguyễn Hoàng P.**

- *Về con chung*: Giao con chung tên **Nguyễn Hoàng N**, sinh ngày 25/01/2011 cho chị **Nguyễn Thị Thanh L** được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **Nguyễn Hoàng P** không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị **L** không yêu cầu.

Chị **L** và anh **P** được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và tài sản chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị **Nguyễn Thị Thanh L** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004354 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị **Nguyễn Thị Thanh L** đã nộp xong tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh **Nguyễn Hoàng P** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/01/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Mỹ Phước Trung,
huyện Mỏ Cà Bắc, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Trung